

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trương Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Việt T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Tạ Thanh X, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Việt T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông X tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2003. Đến năm 2005 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C (nay là thị trấn C), huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/8/2005. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông X thường xuyên cãi nhau, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà và ông X đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông X.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông X có 02 con chung tên là Tạ Ngọc Minh T, sinh ngày 21/8/2005 và Tạ Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 02/6/2013. Hiện cháu Thư và cháu Giao đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông X: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông X không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tại Biên bản xác minh ngày 11/3/2022, chính quyền địa phương xác định ông X có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông X, cho bà T và ông X ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Tạ Ngọc Minh T và Tạ Ngọc Huỳnh G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập bà Nguyễn Việt T và ông Tạ Thanh X hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông X vắng mặt không rõ lý do và bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông X.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Tạ Thanh X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông X hiện đang cư trú tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà T và ông X tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2003, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C (nay là thị trấn C), huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/8/2005 nên hôn nhân của bà T và ông X là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T xác định, bà T và ông X xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân là ông X và bà T thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà T và ông X đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Bà T xác định, bà T và ông X không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa bà T và ông X đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông X.

[4] Về con chung: Bà T xác định, bà T và ông X có 02 con chung tên là Tạ Ngọc Minh T, sinh ngày 21/8/2005 và Tạ Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 02/6/2013. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy, cháu T và cháu G hiện đang sống ổn định với bà T và có nguyện vọng sống cùng bà T nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu T và cháu G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông X có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 24**, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Việt T. Cho bà Nguyễn Việt T được ly hôn với ông Tạ Thanh X.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Ngọc Minh T, sinh ngày 21/8/2005 và Tạ Ngọc Huỳnh G, sinh ngày 02/6/2013 cho bà Nguyễn Việt T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện cháu T và cháu G đang sống cùng với bà T. Ông X có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Việt T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Việt T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Bà T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000753 ngày 16/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh